BIỂU DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Tổng hợp kinh phí
I	**Mua sắm thay thế thiết bị linh phụ kiện, vật tư tiêu hao và lắp đặt bổ sung các thiết bị đo thông số quan trắc còn thiếu của 04 trạm quan trắc môi trường tỉnh Lạng Sơn**	**Biểu 02,03**	**11.121.200.220**
II	**Kiểm định hiệu chuẩn các thiết bị của 04 trạm quan trắc môi trường tỉnh Lạng Sơn**	**Biểu 01**	**256.193.906**
III	**Chi phí tư vấn**		**33.370.000**
1	*Chi phí Tư vấn lập hồ sơ mời thầu (E-HSMT), đánh giá hồ sơ dự thầu (E-HSDT)*	Báo giá kèm theo	22.247.000
2	*Chi phí Tư vấn thẩm định E-HSMT, thẩm định kết quả LCNT*	Báo giá kèm theo	11.123.000
IV	**Chi phí khác**		**125.000.000**
1	Chi phí dịch vụ thẩm định giá	Hợp đồng số 1688/2026/HĐ/TĐG/AAVC ngày 18/5/2026 giữa Trung tâm Tài nguyên và môi trường với Công ty TNHH Hãng định giá và Kiểm toán Châu Á	125.000.000
TỔNG CỘNG (I + II + III + IV)			**11.535.764.126**
LÀM TRÒN SỐ			**11.536.000.000**

BIỂU 03 - DỰ KIẾN KINH PHÍ KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN 04 TRẠM QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG

(Kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	**Chi phí kiểm định/hiệu chuẩn các đầu đo cho trạm đo cho các trạm không khí tự động, cố định.**					
1,1	Phương tiện đo nồng độ khí SO_2 - Trạm khí xung quanh	Thiết bị	3	7.215.905	21.647.715	- Theo quy định tại điểm a khoản 4 điều 28 và điểm a khoản 4 điều 32 của thông tư 10/2021/BTNMT ngày 30/6/2021 - Số thứ tự 30,36,38,40,41 Bảng 4 ban hành kèm theo Điều 4 Thông tư số 04/2026/TT-BKHCN ngày 27/02/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ (sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN) -Chứng thư thẩm định giá số 304/2026/1688/CT-TĐG/AAVC ngày 26/6/2026 của Công ty TNHH Hãng Định giá và Kiểm toán Châu Á
1,2	Module đo hàm lượng khí NO-NO2-NOx					
a	*Phương tiện đo nồng độ khí NO_2 - Trạm khí xung quanh*	*Thiết bị*	*3*	*7.274.000*	*21.822.000*	
b	*Phương tiện đo nồng độ khí NO - Trạm khí xung quanh*	*Thiết bị*	*3*	*7.274.000*	*21.822.000*	
1,4	Phương tiện đo nồng độ khí CO - Trạm khí xung quanh	Thiết bị	3	7.215.905	21.647.715	
1,5	Phương tiện đo nồng độ khí O_3 - Trạm khí xung quanh	Thiết bị	3	7.215.905	21.647.715	
1,6	Module đo vi khí hậu					
a	*Phương tiện đo Áp suất - Trạm khí*	*Thiết bị*	*3*	*2.272.476*	*6.817.428*	
b	*Phương tiện đo Tốc độ gió*	*Thiết bị*	*3*	*2.272.476*	*6.817.428*	
c	*Phương tiện đo nhiệt độ*	*Thiết bị*	*3*	*1.233.810*	*3.701.430*	
d	*Phương tiện đo độ ẩm*	*Thiết bị*	*3*	*1.233.810*	*3.701.430*	
e	*Bức xạ mặt trời*	*Thiết bị*	*3*	*6.796.204*	*20.388.612*	
1,7	Phương tiện đo Hàm lượng bụi (TSP; PM_{10}; PM 2,5; PM_1; PM4)	Thiết bị	3	10.184.286	30.552.858	
1,8	Chi phí nhân công thực hiện 1 đợt làm cho 3 trạm	Đợt	1	31.857.315	31.857.315	
2	**Chi phí kiểm định/hiệu chuẩn các đầu đo cho trạm đo nước tự động, cố định.**					
2,1	Phương tiện đo pH	Thiết bị	1	3.185.810	3.185.810	
2,2	Phương tiện đo nhiệt độ	Thiết bị	1	1.062.000	1.062.000	
2,3	Phương tiện đo DO	Thiết bị	1	4.161.619	4.161.619	
2,4	Phương tiện đo TSS	Thiết bị	1	4.161.619	4.161.619	
2,5	Phương tiện đo COD	Thiết bị	1	3.132.667	3.132.667	

2,6	Thiết bị đo độ đục	Thiết bị	1	4.161.619	4.161.619	
2,7	Chi phí nhân công thực hiện 1 đợt làm cho 1 trạm	Đợt	1	9.928.796	9.928.796	
	Cộng trước thuế				**242.217.776**	
	Thuế GTGT 5%				**9.002.153**	
	Thuế GTGT 8%				**4.973.978**	
	Tổng cộng				**256.193.906**	

BIỂU 02 - DỰ KIẾN KINH PHÍ THAY THẾ THIẾT BỊ LINH PHỤ KIỆN VÀ VẬT TƯ TIÊU HAO 04 TRẠM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỰ ĐỘN

(Kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

STT	Nội dung	Hãng Sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	**Trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục tại xã Đồng Đăng**						**2.719.581.366**
1	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí SO2**						
1,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí SO2 (FILTER ELEMENT PA-10Lφ54*0.5t (24pc/set	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
1,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
1,3	XENON LAMP	HORIBA	Đèn xenon L4646	Chiếc	1	100.178.909	100.178.909
1,4	O-RING	HORIBA	Gioăng G50 FPM	Chiếc	1	1.524.364	1.524.364
1,5	AIR FILTER 0,3 MICRO	HORIBA	Lọc bụi 0.3 micro	Chiếc	1	6.522.182	6.522.182
1,6	HC CUTTER	HORIBA	Tách khí Hydrocacbon	Chiếc	1	50.483.182	50.483.182
1,7	MILLER ADHESION UNIT	HORIBA	Kính phản quang phân tích SO2	Chiếc	1	68.186.273	68.186.273
1,8	SCRUBBER ESU-050A	HORIBA	Hấp thụ khí ESU-050A	Chiếc	1	3.557.545	3.557.545
2	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí NO-NO2-NOx**						
2,1	Vật tư tiêu hao cho bộ phân tích khí NO-NO2-Nox (FILTER ELEMENT PA-10Lφ54*0.5t (24pc/set)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
2,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	6.861.000	13.722.000
2,3	CATLYZER ASSY	HORIBA	Ống chuyển đổi khí NO	Chiếc	1	19.566.455	19.566.455

2,4	O-RING	HORIBA	Gioăng G70	Bộ	1	8.799.364	8.799.364
2,5	F-PACKING	HORIBA	Gioăng 10pc	Bộ	1	5.883.909	5.883.909
2,6	SCRUBBER	HORIBA	Hập thụ khí NOx BÂ-05(	Chiếc	1	14.823.091	14.823.091
2,7	AIR FILTER 0,3 MICRO	HORIBA	Lọc bụi 0.3 micro	Chiếc	1	6.522.182	6.522.182
2,8	UV LAMP unit	HORIBA	Đèn UV APNA-370	Chiếc	1	58.699.545	58.699.545
2,9	UV Liner	HORIBA	Màng ngăn tia UV	Chiếc	1	10.807.364	10.807.364
2,10	Dehumidìier unit	HORIBA	Ống hút ẩm HRB-01	Chiếc	1	43.114.000	43.114.000
2,11	DO UNIT	HORIBA	Hấp thụ khí Ozon	Chiếc	1	11.294.818	11.294.818
2,12	SV UNIT	HORIBA	Van điện từ WTA-2K-MFF-1	Chiếc	1	10.333.818	10.333.818
2,13	SILICAGEL			hộp	1	3.303.455	3.303.455
3	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí CO**						
3,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí CO (FILTER ELEMENT)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
3,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
3,3	CATLYZER ASSY	HORIBA	chuyển đổi khí CO HP-1	Chiếc	1	37.350.273	37.350.273
3,4	FILTER DFU9900-05-BK	HORIBA	Lọc bụi DFU9900-05-BK	Chiếc	1	6.691.545	6.691.545
3,5	O-RING	HORIBA	Gioăng G70 (1set/10pc)	Chiếc	1		0
3,6	F-PACKING	HORIBA	Gioăng 10pc	Chiếc	2		0
3,7	SCRUBBER	HORIBA	ập thụ khí NOx BAA-0	Chiếc	1	14.823.091	14.823.091
3,8	Đèn hồng ngoại (Light Scouce)	HORIBA	Đèn phân tích CO	Chiếc	1	276.783.545	276.783.545
3,9	CAL SV UNIT	HORIBA	Van điện từ WTB-3K-N1F-3	Chiếc	1	15.754.909	15.754.909
4	Detector	HORIBA	Cảm biến đo CO	Chiếc	1	448.504.818	448.504.818
4	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí Ozone**						

4,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí O3 (FILTER ELEMENT)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
4,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	1	4.658.727	4.658.727
4,3	O-RING	HORIBA	Gioăng G50 FPM	Chiếc	1	1.524.636	1.524.636
4,4	UV LAMP	HORIBA	Đèn UV APOA-370	Chiếc	1	87.583.364	87.583.364
4,5	FILTER 254	HORIBA	ính lọc 254 phân tích C	Chiếc	1	20.159.364	20.159.364
4,6	OPTICAL WINDOW	HORIBA	Kính lọc phân tích O3	Chiếc	1	4.997.455	4.997.455
4,8	GLASSTUBE	HORIBA	g khử Ozon 160˚C1	Chiếc	1	72.590.909	72.590.909
5	**Bảo trì, sửa chữa cho Bộ pha loãng khí chuẩn cho SO2/NOx**						
5,1	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
5,2	FILTER ELEMENT	HORIBA	Lưới lọc	Chiếc	2	1.270.545	2.541.090
5,3	SCRUBBER/CATALYZER	HORIBA	Lọc khí FPA-NO,SO2	Chiếc	2	142.810.091	285.620.182
5,4	FILTER ELEMENT-P	HORIBA	Lọc bụi LC-240	Chiếc	2	1.439.909	2.879.818
5,5	O RING	HORIBA	Gioăng P21 đỏ	Chiếc	2	274.091	548.182
5,6	O-RING	HORIBA	Gioăng P38 đỏ, 1 set/10pcs	Bộ	1	677.636	677.636
5,7	O-RING	HORIBA	Gioăng P4		2	182.455	364.910
6	***Thiết bị đo khí tượng***						
6,1	Thiết bị đo áp suất, độ ẩm, nhiệt độ, vận tốc và hướng gió (gồm cảm biến, cáp kết nối và đầu nối chống nước cho cáp)	EU/G7		Bộ	1	368.846.273	368.846.273
7	***Một số vật tư dự phòng chung cho các bộ đo khí/trạm***						
7,1	Bình khí N2(>99,9995%)/10L Airproducts	G20		Bình	1	36.961.455	36.961.455
7,2	Bình khí CO(~45ppm) /10L Airproducts phù hợp với van giảm áp	G20		Bình	1	50.822.091	50.822.091
7,3	Bình khí S2O(~45ppm) /10L Airproducts phù hợp với van giảm áp	G20		Bình	1	67.762.727	67.762.727

7,4	Bình khí NO (~90ppm) /10L, Airproducts	G20		Bình	1	207.908.455	207.908.455
8	***Thiết bị quan trắc bụi Horiba***						
8,1	Pump filter	HORIBA	Màng lọc bụi cho bơm	Cái	1	52.830.364	52.830.364
8,2	O-Ring gasket set	HORIBA	Bộ gioăng đệm (gồm các loại kt khác nhau)	Bộ	1	25.232.455	25.232.455
8,3	O-RING, P12	HORIBA		Cái	1	182.455	182.455
9	**Hạng mục khác**						0
9,1	2 Camera IP + 1 Đầu ghi			Bộ	1		
a	*ổ cứng 4T*	ASIA		*Chiếc*	*1*	*7.585.000*	7.585.000
b	*camera+ chân đế xoay*	ASIA		*Bộ*	*2*	*9.860.636*	19.721.272
c	*đầu ghi hình*	ASIA		*Chiếc*	*1*	*3.034.091*	3.034.091
9,2	Bộ hẹn giờ của điều hòa	ASIA		Bộ	1	3.080.182	3.080.182
9,3	Vỏ tủ điện bên ngoài trạm	ASIA		Bộ	1	15.400.636	15.400.636
9,4	UPS cho hệ thống	ASIA		Bộ	1	77.003.182	77.003.182
II	**Trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục tại xã Chi Lăng**						**3.544.283.184**
1	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí SO2**						
1,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí SO2 (FILTER ELEMENT PA-10Lφ54*0.5t (24pc/set)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
1,2	XENON LAMP	HORIBA	Đèn xenon L4646	Chiếc	1	100.178.909	100.178.909
1,3	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
1,4	HC CUTTER	HORIBA	Tách khí Hydrocacbon	Chiếc	1	50.483.182	50.483.182
1,5	O-RING	HORIBA	Gioăng G50 FPM	Chiếc	1	1.524.364	1.524.364
1,6	SCRUBBER ESU-050A	HORIBA	Hấp thụ khí ESU-050A	Chiếc	1	3.557.545	3.557.545
1,7	AIR FILTER 0,3 MICRO	HORIBA	Lọc bụi 0.3 micro	Chiếc	1	6.522.182	6.522.182

1,8	MILLER ADHESION UNIT	HORIBA	Kính phản quang phân tích SO2	Chiếc	1	68.186.273	68.186.273
2	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí NO-NO2-NOx**						
2,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
2,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	6.861.000	13.722.000
2,3	CATLYZER ASSY	HORIBA	Ống chuyển đổi khí NO	Chiếc	1	19.566.455	19.566.455
2,4	O-RING	HORIBA	Gioăng G70	Chiếc	1		0
2,5	F-PACKING	HORIBA	Gioăng 10pc	Chiếc	1		0
2,6	SCRUBBER	HORIBA	Hấp thụ khí NOx BAA-050	Chiếc	1	14.823.091	14.823.091
2,7	AIR FILTER 0,3 MICRO	HORIBA	Lọc bụi 0.3 micro	Chiếc	1	6.522.182	6.522.182
2,8	UV LAMP unit	HORIBA	Đèn UV APNA-370	Chiếc	1	58.699.545	58.699.545
2,9	UV Liner	HORIBA	Màng ngăn tia UV	Chiếc	1	10.807.364	10.807.364
2,1	Dehumidìier unit	HORIBA	Ống hút ẩm HRB-01	Chiếc	1	43.114.000	43.114.000
2,11	DO UNIT	HORIBA	hấp thụ khí Ozon	Chiếc	1	11.294.818	11.294.818
2,12	SV UNIT	HORIBA	Van điện từ WTA-2K-MFF-1	Chiếc	1	10.333.818	10.333.818
2,13	SILICAGEL	HORIBA	Hút ẩm (Silicagel 500g)	hộp	1	3.303.455	3.303.455
3	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí CO**						
3,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí O3 (FILTER ELEMENT)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
3,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
3,3	CATLYZER ASSY	HORIBA	Ống chuyển đổi khí CO HP-10D2	Chiếc	1	37.350.273	37.350.273

3,4	FILTER DFU9900-05-BK	HORIBA	Lọc bụi DFU9900-05-BK	Chiếc	1	6.691.545	6.691.545
3,5	O-RING	HORIBA	Gioăng G70	Chiếc	1		0
3,6	F-PACKING	HORIBA	Gioăng 10pc	Chiếc	2		0
3,5	SCRUBBER	HORIBA	p thụ khí NOx BAA-0	Chiếc	1	14.823.091	14.823.091
3,6	Đèn hồng ngoại (Light Scouce)	HORIBA	Đèn phân tích CO	Chiếc	1	276.783.545	276.783.545
3,7	CAL SV UNIT	HORIBA	Van điện từ WTB-3K-N1F-3	Chiếc	1	15.754.909	15.754.909
3,8	Detector	HORIBA	Cảm biến đo CO,	Chiếc	1	448.504.818	448.504.818
4	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí Ozone**						
4,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí O3 (FILTER ELEMENT)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
4,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	1	4.658.727	4.658.727
4,3	O-RING	HORIBA	Gioăng G50 FPM	Chiếc	1	1.524.636	1.524.636
4,4	FILTER 254	HORIBA	Kính lọc 254 phân tích O3	Chiếc	1	20.159.364	20.159.364
4,5	OPTICAL WINDOW	HORIBA	Kính lọc phân tích O3	Chiếc	1	4.997.455	4.997.455
4,7	GLASSTUBE	HORIBA	Ống khử Ozon 160 ˚C12H	Chiếc	1	72.590.909	72.590.909
4,8	UV LAMP	HORIBA	Đèn UV APOA-370	Chiếc	1	87.583.364	87.583.364
5	**Bảo trì, sửa chữa cho Bộ pha loãng khí chuẩn cho SO2/NOx**						
5,1	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
5,2	FILTER ELEMENT	HORIBA	Lưới lọc	Chiếc	2	1.270.545	2.541.090
5,3	SCRUBBER/CATALYZER	HORIBA	Lọc khí FPA-NO,SO2	Chiếc	2	142.810.091	285.620.182
5,4	FILTER ELEMENT-P	HORIBA	Lọc bụi LC-240	Chiếc	2	1.439.909	2.879.818
5,5	O RING	HORIBA	Gioăng P21 đỏ	Chiếc	2	274.091	548.182

5,6	O - RING	HORIBA	Gioăng P38 đỏ	Chiếc	2		0
5,7	O - RING	HORIBA	Gioăng P4	Chiếc	2	182.455	364.910
5,8	PUMP UNIT	HORIBA	Bơm khí đơn GS-6EH-230	Chiếc	1	58.445.364	58.445.364
6	**Thiết bị quan trắc bụi Horiba APDA-372**						
6,1	Bộ tách ẩm IADS	HORIBA		bộ	1	642.341.636	642.341.636
6,2	Cảm biến đo ẩm	HORIBA		Chiếc	1	195.551.000	195.551.000
6,3	Bảng mạch sensor đo lưu lượng	HORIBA	Sensor đo lưu lượng khí	Chiếc	1	187.863.000	187.863.000
6,4	O-Ring gasket set	HORIBA	Bộ gioăng đệm (gồm các loại kt khác nhau)	Bộ	1	25.232.455	25.232.455
6,5	O-RING, P12	HORIBA		Cái	1	182.455	182.455
7	***Một số vật tư dự phòng chung cho các bộ đo khí/trạm***						
7,1	Bình khí N2(>99,9995%)/10L Airproducts	G20		Bình	1	36.961.455	36.961.455
7,2	Bình khí CO(~45ppm) /10L Airproducts phù hợp với van giảm áp	G20		Bình	1	50.822.091	50.822.091
7,3	Bình khí S2O(~45ppm) /10L Airproducts phù hợp với van giảm áp	G20		Bình	1	67.762.727	67.762.727
7,4	Bình khí NO (~90ppm) /10L, Airproducts	G20		Bình	1	207.908.455	207.908.455
8	**Hạng mục khác**						
8,1	2 Camera IP + 1 Đầu ghi			Bộ	1		
a	*ổ cứng 4T*	ASIA		*Chiếc*	*1*	*7.585.000*	7.585.000
b	*camera+ chân đế xoay*	ASIA		*Bộ*	*2*	*9.860.636*	19.721.272
c	*đầu ghi hình*	ASIA		*Chiếc*	*1*	*3.034.091*	3.034.091
8,2	Bộ hẹn giờ của điều hòa và bơm	ASIA		Bộ	1	*3.080.182*	3.080.182
8,3	Vỏ tủ điện bên ngoài trạm	ASIA		Bộ	1	15.400.636	15.400.636
8,4	UPS cho hệ thống	ASIA		Bộ	1	77.003.182	77.003.182

8,5	Màn hình cảm ứng thiết bị đo SO2	HORIBA	Màn hình AP370	Bộ	1	177.538.364	177.538.364
III	**Trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục tại xã Hữu Lũng**						**2.795.083.457**
1	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí SO2**						
1,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí SO2 (FILTER ELEMENT PA-10Lφ54*0.5t (24pc/set))	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
1,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
1,3	HC CUTTER	HORIBA	Tách khí Hydrocacbon	Chiếc	1	50.483.182	50.483.182
1,4	O-RING	HORIBA	Gioăng G50 FPM	Chiếc	1	1.524.364	1.524.364
1,5	SCRUBBER ESU-050A	HORIBA	Hấp thụ khí ESU - 050A	Chiếc	1	3.557.545	3.557.545
1,6	AIR FILTER 0,3 MICRO	HORIBA	Lọc bụi 0.3 micro	Chiếc	1	6.522.182	6.522.182
1,7	MILLER ADHESION UNIT	HORIBA	Kính phản quang phân tích SO2	Chiếc	1	68.186.273	68.186.273
1,8	XENON LAMP	HORIBA	Đèn Xenon L4646	Chiếc	1	100.178.909	100.178.909
2	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí NO-NO2-NOx**						
2,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí NO-NO2-Nox (FILTER ELEMENT PA-10Lφ54*0.5t (24pc/set)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
2,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	6.861.000	13.722.000
2,3	CATLYZER ASSY	HORIBA	Ống chuyển đổi khí NO	Chiếc	1	19.566.455	19.566.455
2,4	O-RING	HORIBA	Gioăng G70	Chiếc	1		0
2,5	F-PACKING	HORIBA	Gioăng 10pc	Chiếc	1		0
2,4	SCRUBBER	HORIBA	Hấp thụ khí NOx BAA-0	Chiếc	1	14.823.091	14.823.091
2,5	AIR FILTER 0,3 MICRO	HORIBA	Lọc bụi 0.3 micro	Chiếc	1	6.522.182	6.522.182

2,6	UV LAMP unit	HORIBA	Đèn UV APNA-370	Chiếc	1	58.699.545	58.699.545
2,7	UV Liner	HORIBA	Màng ngăn tia UV	Chiếc	1	10.807.364	10.807.364
2,8	Dehumidìier unit	HORIBA	Ống hút ẩm HRB-01	Chiếc	1	43.114.000	43.114.000
2,9	DO UNIT	HORIBA	hấp thụ khí Ozon	Chiếc	1	11.294.818	11.294.818
2,10	SV UNIT	HORIBA	Van điện từ WTA-2K-MFF-1	Chiếc	1	10.333.818	10.333.818
2,11	SILICAGEL	HORIBA	Hút ẩm (Silicagel 500g)	Hộp	1	3.303.455	3.303.455
3	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí CO**						
3,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí CO (FILTER ELEMENT)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
3,2	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
3,3	CATLYZER ASSY	HORIBA	huyển đổi khí CO HP-	Chiếc	1	37.350.273	37.350.273
3,4	FILTER DFU9900-05-BK	HORIBA	ọc bụi DFU9900-05-B	Chiếc	1	6.691.545	6.691.545
3,5	O-RING	HORIBA	Gioăng G70	Chiếc	1		0
3,6	F-PACKING	HORIBA	Gioăng 10pc	Chiếc	2		0
3,5	SCRUBBER	HORIBA	p thụ khí NOx BAA-0	Chiếc	1	14.823.091	14.823.091
3,6	CAL SV UNIT	HORIBA	n điện từ WTB-3K-N1	Chiếc	1	15.754.909	15.754.909
3,7	Đèn hồng ngoại (Light Scouce)	HORIBA	Đèn phân tích CO	Chiếc	1	276.783.545	276.783.545
3,8	Detector	HORIBA	Cảm biến đo CO,	Chiếc	1	448.504.818	448.504.818
4	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị phân tích khí Ozone**						
4,1	Vật tư tiêu hao cho thiết bị phân tích khí O3 (FILTER ELEMENT)	HORIBA	Màng lọc bụi PA10L/24	Set	2	4.235.182	8.470.364
4,2	UV LAMP	HORIBA	Đèn UV APOA-370	Chiếc	1	87.583.364	87.583.364
4,3	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	1	4.658.727	4.658.727
4,4	O-RING	HORIBA	Gioăng G50 FPM	Chiếc	1	1.524.636	1.524.636
4,5	FILTER 254	HORIBA	ính lọc 254 phân tích C	Chiếc	1	20.159.364	20.159.364

4,6	OPTICAL WINDOW	HORIBA	Kính lọc phân tích O3	Chiếc	1	4.997.455	4.997.455
4,7	GLASSTUBE	HORIBA	g khử Ozon 160˚ C1	Chiếc	1	72.590.909	72.590.909
5	**Bảo trì, sửa chữa cho Bộ pha loãng khí chuẩn cho SO2/NOx**						
5,1	DIAPHRAGM ASSY	HORIBA	Màng bơm GS,GD	Chiếc	2	4.658.727	9.317.454
5,2	FILTER ELEMENT	HORIBA	Lưới lọc	Chiếc	2	1.270.545	2.541.090
5,3	SCRUBBER/CATALYZER	HORIBA	Lọc khí FPA-NO,SO2	Chiếc	2	142.810.091	285.620.182
5,4	FILTER ELEMENT-P	HORIBA	Lọc bụi LC-240	Chiếc	2	1.439.909	2.879.818
5,5	O RING	HORIBA	Gioăng P21 đỏ	Chiếc	2	274.091	548.182
5,6	O - RING	HORIBA	Gioăng P38 đỏ	Chiếc	2		0
5,7	O - RING	HORIBA	Gioăng P4	Chiếc	2	182.455	364.910
5,8	PUMP UNIT	HORIBA	Bơm khí đơn GS-6EH-230	Chiếc	1	58.445.364	58.445.364
6	**Thiết bị quan trắc bụi Horiba APDA-372**						
6,1	Bơm hút mẫu	HORIBA		Chiếc	1	401.263.909	401.263.909
6,2	Pump filter	HORIBA	Màng lọc bụi cho bơm	Cái	1	52.830.364	52.830.364
6,3	O-Ring gasket set	HORIBA	Bộ gioăng đệm (gồm các loại kt khác nhau)	Bộ	1	25.232.455	25.232.455
6,4	O-RING, P12	HORIBA		Cái	1	182.455	182.455
7	**Một số vật tư dự phòng chung cho các bộ đo khí/trạm**						
7,1	Bình khí N2(>99,9995%)/10L Airproducts	G20		Bình	1	36.961.455	36.961.455
7,2	Bình khí CO(~45ppm) /10L Airproducts phù hợp với van giảm áp	G20		Bình	1	50.822.091	50.822.091
7,3	Bình khí S2O(~45ppm) /10L Airproducts phù hợp với van giảm áp	G20		Bình	1	67.762.727	67.762.727
7,4	Bình khí NO (~90ppm) /10L, Airproducts	G20		Bình	1	207.908.455	207.908.455

8	**Hạng mục khác**						
8,1	2 Camera IP + 1 Đầu ghi			Bộ	1		
a	*ổ cứng 4T*	*ASIA*		*Chiếc*	*1*	*7.585.000*	7.585.000
b	*camera+ chân đế xoay*	*ASIA*		*Bộ*	*2*	*9.860.636*	19.721.272
c	*đầu ghi hình*	*ASIA*		*Chiếc*	*1*	*3.034.091*	3.034.091
8,2	Bộ hẹn giờ của điều hòa và bơm	ASIA		Bộ	1	3.080.182	3.080.182
8,3	Vỏ tủ điện bên ngoài trạm	ASIA		Bộ	1	15.400.636	15.400.636
8,4	UPS cho hệ thống	ASIA		Bộ	1	77.003.182	77.003.182
IV	**Trạm nước mặt Mai Pha**						**1.050.056.284**
1	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị đo pH**						
1,1	Điện cực đo pH Horiba 6108-50B	HORIBA		Chiếc	1	31.255.636	31.255.636
1,2	Dung dịch điện phân KCL-3M	G7	1 chai 500ml	Chai	4	4.937.818	19.751.272
1,3	Dung dịch chuẩn pH 4.01	G7	1 chai 500ml	Chai	4	4.497.000	17.988.000
1,4	Dung dịch chuẩn pH 7.01	G7	1 chai 500ml	Chai	4	4.497.000	17.988.000
1,5	Dung dịch chuẩn pH 9.01	G7	1 chai 500ml	Chai	4	4.497.000	17.988.000
2	**Bảo trì, sửa chữa cho thiết bị lấy mẫu tự động**						
2,1	Cầu trì cấp nguồn	ASIA		chiếc	1	308.000	308.000
3	**Thiết bị đo DO**						
3,1	Sodium sulfite-500G	G7		Hộp 500g	1	2.355.545	2.355.545
3,2	Optical DO sensor 5700 Horiba	HORIBA		Chiếc	1	57.090.091	57.090.091
4	**Thiết bị đo độ đục**						
4,1	Dung dịch chuẩn độ đục nồng độ 200 NTU	G7	1 chai 500ml	Chai	4	4.913.818	19.655.272
4,2	Dung dịch chuẩn độ đục nồng độ 800 NTU	G7	1 chai 500ml	Chai	4	4.913.818	19.655.272

4,3	Cảm biến đo độ đục model SS150 Horiba	HORIBA		Chiếc	1	285.111.818	285.111.818
5	**Thiết bị đo TSS**						
5,1	Dung dịch chuẩn TSS nồng độ 50 mg/L	G7	1 chai 500ml	Chai	12	4.566.273	54.795.276
5,2	Dung dịch chuẩn TSS nồng độ 100 mg/L	G7	1 chai 500ml	Chai	12	4.566.273	54.795.276
5,3	Dung dịch chuẩn TSS nồng độ 150 mg/L	G7	1 chai 500ml	Chai	12	4.566.273	54.795.276
6	**Thiết bị đo COD**						
6,1	Dung dịch chuẩn COD nồng độ 50 mg/L	G7	1 chai 500ml	Chai	12	5.850.182	70.202.184
6,2	Dung dịch chuẩn COD nồng độ 100 mg/L	G7	1 chai 500ml	Chai	12	5.850.182	70.202.184
6,3	Dung dịch chuẩn COD nồng độ 150 mg/L	G7	1 chai 500ml	Chai	12	5.850.182	70.202.184
7	***Thiết bị đo nhiệt độ***						
7,1	Cảm biến nhiệt độ Pt100 (kèm bộ chuyển đổi tín hiệu nhiệt sang tín hiệu 4-20mA)	EU		Bộ	1	55.004.909	55.004.909
8	**Hạng mục khác**						
8,1	Chõ tăng áp	ASIA		Bộ	1	2.355.545	2.355.545
8,2	Đường ống lấy mẫu	ASIA		Mét	200	69.455	13.891.000
8,3	Bơm lấy mẫu	ASIA		Chiếc	2	17.521.545	35.043.090
8,4	Bộ khí nén vệ sinh đầu đo COD, TSS	ASIA		Bộ	1	30.801.273	30.801.273
8,5	2 Camera IP + 1 Đầu ghi			Bộ	1		
a	*ổ cứng 4T*	ASIA		*Chiếc*	*1*	*7.585.000*	7.585.000
b	*camera+ chân đế xoay*	ASIA		*Bộ*	*2*	*9.860.636*	19.721.272
c	*đầu ghi hình*	ASIA		*Chiếc*	*1*	*3.034.091*	3.034.091
8,8	Vỏ tủ điện bên ngoài trạm	ASIA		Bộ	1	15.400.636	15.400.636
8,9	Bộ hẹn giờ của điều hòa và bơm	ASIA		Bộ	1	3.080.182	3.080.182
	Cộng trước thuế						**10.109.004.291**

	Thuế GTGT 10%		**1.010.900.429**
	Tổng cộng		**11.119.904.720**

G, LIÊN TỤC

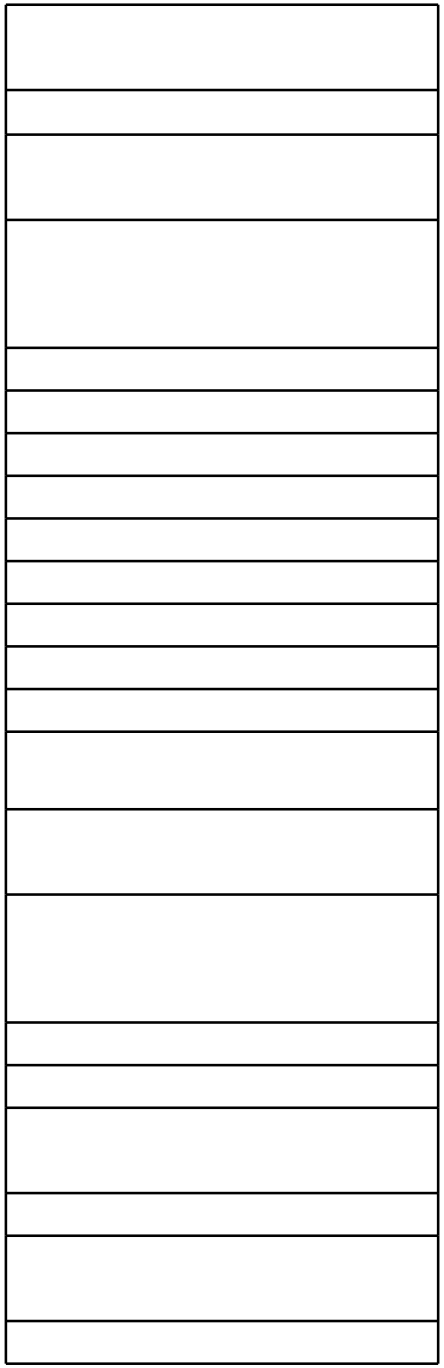
)

Đơn vị tính: Đồng

Ghi chú

hãng bán theo bộ, 1 bộ gồm 10 chiếc, thiết bị cần 1C
hãng bán theo bộ, 1 bộ gồm 10 chiếc, thiết bị cần 1C
dùng chung với mục 2.4
dùng chung với mục 2.5

hãng bán theo bộ, 1 bộ gồm 10 chiếc



dùng chung với mục 2.4 của trạm khí Đồng Đăng
dùng chung với mục 2.5 của trạm khí Đồng Đăng

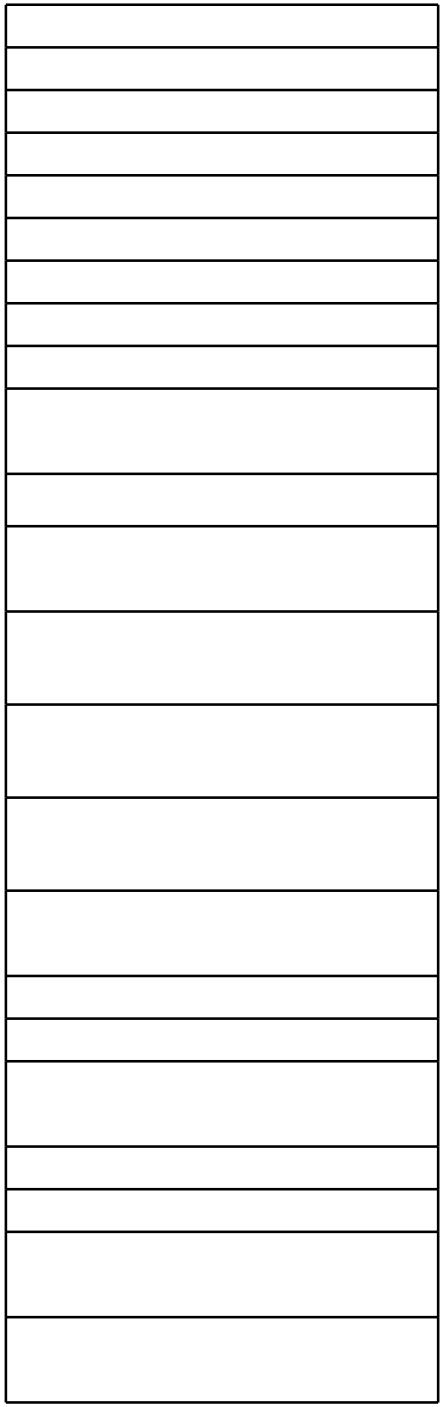
dùng chung với mục 2.4 của trạm khí Đồng Đăng
dùng chung với mục 2.5 của trạm khí Đồng Đăng

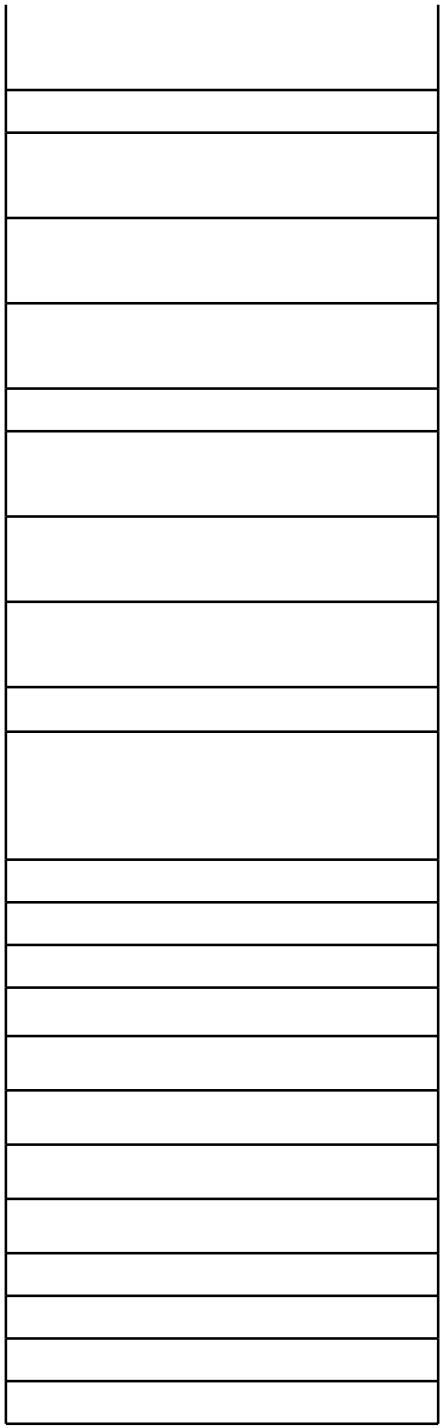
dùng chung với mục 5.6 trạm khí Đồng Đăng

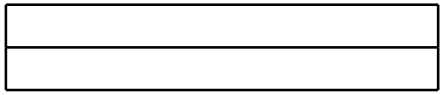
dùng chung với mục 2.4 của trạm khí Đồng Đăng
dùng chung với mục 2.5 của trạm khí Đồng Đăng

dùng chung với mục 2.4 của trạm khí Đồng Đăng
dùng chung với mục 2.5 của trạm khí Đồng Đăng

dùng chung với mục 5.6 trạm khí Đồng Đăng







BIỂU 03 - DỰ KIẾN KINH PHÍ LẮP ĐẶT BỔ SUNG THIẾT BỊ CÒN THIẾU

(Kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dâ

TT	Nội dung	Hãng Sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	I. TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC MẶT MAI PHA					
1	Thiết bị đo nhiệt độ độ ẩm trong nhà trạm	ASIA	1	Chiếc	1.177.727	1.177.727
	Cộng trước thuế					**1.177.727**
	Thuế GTGT 10%					**117.773**
	Tổng cộng					**1.295.500**

ỉn tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Đồng

Ghi chú
- STT 5, phụ lục 10 của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 -Chứng thư thẩm định giá số 304/2026/1688/CT-TĐG/AAVC ngày 26/6/2026 của Công ty TNHH Hãng Định giá và Kiểm toán Châu Á